TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 3 – 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hùng

Bà Lê Thị Xuân Đào

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1446/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trà Thanh B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà V và ông B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Thị Bích V trình bày: Bà và ông Trà Thanh B là vợ chồng cưới nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà và ông B đã ly thân nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng

không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trà Thanh B.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông B có 02 con chung tên Trà Thanh H, sinh năm 2005 (đã trưởng thành) và Trà Thanh N, sinh ngày 21/6/2013, hiện con đang sống với bà V. Khi ly hôn, bà V xin được trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà V xác định bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V xác định bà và ông B không có nợ ai.

Bị đơn ông Trà Thanh B trình bày tại phiên tòa: Ông và bà V chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2004. Ông B xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn như lời bà V trình bày nhưng do ông rất thương yêu bà V nên có ghen tuông vô cớ và cam kết sẽ sửa đổi tâm tính. Nay bà V yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn được đoàn tụ với bà V.

Về con chung: Ông B xác định ông và bà V có 02 con chung tên Trà Thanh H, sinh năm 2005 (đã trưởng thành) và Trà Thanh N, sinh ngày 21/6/2013, hiện con đang sống với bà V. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý giao con chung Thanh Nhân cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông xác định ông và V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông B xác định ông và bà V không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Bích V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trà Thanh B. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông B hiện đang cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Nguyên đơn là bà Võ Thị Bích V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Nguyên đơn là bà Võ Thị Bích V và bị đơn là ông Trà Thanh B có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị Bích V:

[4.1]. Về hôn nhân: Xét thấy, bà Võ Thị Bích V và ông Trà Thanh B tự nguyện sống chung vaÌ đaÞ đăng kyì kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 55.KH.2004 đăng kyì ngaÌy 21/4/2004 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà bà V và ông B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, trong quá trình chung sống, bà V cho rằng do cuộc sống không còn phù hợp nên bà và ông B đã ly thân nhau. Mâu thuẫn giữa bà và ông B cũng không được hai bên gia đình và chính quyền địa phương giải quyết. Ông B cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như lời bà V trình bày và từ khi sống ly thân đến nay, ông B không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Tại phiên tòa, bà V xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông B được nữa nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông B. Đối với ông B thì ông tha thiết xin được đoàn tụ với bà V nhưng không được bà V chấp nhận. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa bà V và ông B là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà V và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ các phân tích trên, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Bích V đối với ông Trà Thanh B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2]. Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Tại thời điểm xét xử, cháu Trà Thanh N, sinh ngày 21/6/2013 đã trên 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng được ở với bà V Khi ly hôn, bà V xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, đối với cháu H, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông B đồng ý giao con chung Thanh Nhân cho bà V nuôi dưỡng nếu được Tòa án cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trên cơ sở đề nghị của bà V, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu N cho bà V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3]. Về chia tài sản chung: Bà V và ông B thống nhất xác định tự thỏa thuận tài sản chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4.4]. Về nợ chung: Bà V và ông B xác định không có nợ ai nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Bích V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích V.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Bích V được ly hôn với ông Trà Thanh B.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị Bích V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Trà Thanh N, sinh ngày 21/6/2013. Ông Trà Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không có yêu cầu. Đối với con chung Trà Thanh H, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Bích V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005773 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông B không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Uỷ ban nhân dân xã Hựu Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc